

Số: 11/NQ-HĐND

Trăng Dài, ngày 31 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành Quy chế hoạt động của HĐND
phường Trăng Dài khóa VI, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG TRẮNG DÀI KHÓA VI
KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;

Xét Tờ trình số 06/TTr-HĐND ngày 23/7/2025 của Thường trực HĐND phường Trăng Dài về việc ban hành Quy chế hoạt động của HĐND phường Trăng Dài khóa VI, nhiệm kỳ 2021-2026 và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất ban hành Quy chế hoạt động của HĐND phường Trăng Dài khóa VI, nhiệm kỳ 2021-2026, cụ thể như sau:

- **Về bố cục:** Quy chế được chia thành 11 chương với 57 điều.

- **Về phạm vi, đối tượng điều chỉnh:** Quy chế điều chỉnh về tổ chức và hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND phường. Đồng thời quy định về những điều kiện đảm bảo cho hoạt động HĐND phường (*Đính kèm Quy chế*).

Điều 2. Thường trực HĐND phường, UBND phường, các Ban HĐND phường, các Tổ đại biểu HĐND phường, các đại biểu HĐND phường, Văn phòng HĐND-UBND phường và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực HĐND phường có trách nhiệm tổng hợp, theo dõi tình hình thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND phường Trảng Dài khóa VI, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 31/7/2025 và có hiệu lực kể từ ngày HĐND phường thông qua/.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh Đồng Nai;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh (đơn vị số 2);
- Thường trực Đảng ủy;
- TT.HĐND phường;
- TT. UBND phường;
- UBMTTQVN phường;
- Các Đại biểu HĐND phường khóa VI;
- Chánh, Phó chánh VP.HĐND-UBND phường;
- Các phòng, ban, đơn vị và đoàn thể phường;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Phan Quang Tuấn

QUY CHẾ

Hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường Trăng Dài khóa VI, nhiệm kỳ 2021-2026
(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của HĐND phường Trăng Dài khóa VI, nhiệm kỳ 2021-2026)

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc tổ chức và hoạt động, chế độ, hình thức làm việc, quan hệ công tác, quy trình, trách nhiệm giải quyết công việc của Hội đồng nhân dân (sau đây gọi tắt là *HĐND*), Thường trực *HĐND*, Ban của *HĐND*, Tổ đại biểu *HĐND*, đại biểu *HĐND* phường; trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch *HĐND*, Phó Chủ tịch *HĐND*, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, Ủy viên Ban của *HĐND*, Tổ đại biểu *HĐND* phường.

Những nội dung không quy định trong Quy chế này thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (sau đây gọi tắt là *Luật Tổ chức chính quyền địa phương*), Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

HĐND, Thường trực *HĐND* phường, các Ban của *HĐND* phường, các Tổ đại biểu *HĐND* phường, các đại biểu *HĐND* phường, nhiệm kỳ 2021-2026 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng pháp luật; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Hội đồng nhân dân hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số.

3. Tổ chức chính quyền địa phương tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương chuyên nghiệp, hiện đại, thực hiện hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương, bảo đảm trách nhiệm giải trình gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực.

4. Bảo đảm quyền con người, quyền công dân; xây dựng chính quyền địa phương gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của Nhân dân; thực hiện đầy đủ cơ chế phản biện xã hội

của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương.

5. Những công việc thuộc thẩm quyền của chính quyền địa phương phải do chính quyền địa phương quyết định và tổ chức thực hiện; phát huy vai trò tự chủ và tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương.

CHƯƠNG II

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của đại biểu HĐND phường

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân phường bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân phường có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân; trường hợp không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tọa kỳ họp, phiên họp. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân phường không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do chính đáng thì Thường trực Hội đồng nhân dân phải báo cáo Hội đồng nhân dân để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đó.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân phường phải liên hệ chặt chẽ với cử tri nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, chịu sự giám sát của cử tri, thường xuyên tiếp xúc với cử tri, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân, các cơ quan, tổ chức liên quan; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân phường thực hiện tiếp công dân; tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định của pháp luật.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân phường có quyền đề xuất sáng kiến xây dựng chính sách ở địa phương; quyền kiến nghị Hội đồng nhân dân phường bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu, tổ chức phiên họp chuyên đề, phiên họp kín hoặc phiên họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất và kiến nghị về những vấn đề khác mà đại biểu thấy cần thiết.

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân phường có quyền ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử vào các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 36 của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương. Người được giới thiệu ứng cử có quyền rút khỏi danh sách những người ứng cử.

7. Đại biểu Hội đồng nhân dân phường có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các thành viên khác của Ủy ban nhân dân, người đứng đầu cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp.

8. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu Hội đồng nhân dân phường có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.

9. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, đại biểu Hội đồng nhân dân phường có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

Điều 4. Quy định về cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND phường

1. Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phường trong thời gian Hội đồng nhân dân phường không họp xem xét, chấp thuận việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân phường trong các trường hợp sau đây:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân không còn công tác tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở đơn vị hành chính mà mình đang là đại biểu và không cư trú tại đơn vị hành chính mà mình đang là đại biểu;

b) Theo đề nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác.

2. Việc Thường trực Hội đồng nhân dân phường chấp thuận việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này phải được báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

Điều 5. Quy định về bãi nhiệm đại biểu HĐND phường

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân phường không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân và không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân thì bị Hội đồng nhân dân hoặc cử tri bãi nhiệm.

Thường trực Hội đồng nhân dân phường quyết định việc đưa ra Hội đồng nhân dân bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp đưa ra để cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trong trường hợp Hội đồng nhân dân bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân thì việc bãi nhiệm phải được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành.

2. Trình tự cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân phường thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

CHƯƠNG III

TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 6. Quy định chung về Tổ đại biểu HĐND phường

1. Căn cứ số lượng đại biểu HĐND phường tại các đơn vị bầu cử (khu phố), Thường trực HĐND phường quyết định thành lập Tổ đại biểu. Mỗi Tổ đại biểu có Tổ trưởng và một Tổ phó. Tổ trưởng điều hành công việc của Tổ đại biểu HĐND phường, Tổ phó giúp Tổ trưởng thực hiện những công việc được phân công.

Khi đại biểu HĐND phường chuyển công tác hoặc nơi cư trú đến địa phương khác trong cùng đơn vị hành chính cấp đại biểu được bầu, đại biểu đó có thể chuyển sinh hoạt Tổ đại biểu HĐND phường nơi mình đang sinh hoạt đến Tổ đại biểu HĐND phường nơi mình công tác hoặc cư trú. Đại biểu HĐND phường gửi đơn chuyển sinh hoạt Tổ tới Thường trực HĐND phường. Thường trực HĐND phường quyết định việc chuyển sinh hoạt Tổ của đại biểu và thông báo tới Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, Tổ đại biểu HĐND phường nơi đại biểu chuyển đi và nơi đại biểu chuyển đến sinh hoạt.

2. Tổ đại biểu HĐND phường gồm các đại biểu HĐND phường được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử, trong cùng một đơn vị hành chính cấp phường.

3. Tổ đại biểu HĐND phường làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

4. Thường trực HĐND phường chỉ định Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu HĐND phường để điều hành công việc của Tổ đại biểu HĐND phường.

5. Căn cứ vào chương trình công tác hằng năm của HĐND phường, các tổ đại biểu HĐND phường xây dựng chương trình hoạt động hằng năm và tham gia với Thường trực HĐND phường, các Ban HĐND phường trong hoạt động giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết HĐND phường, các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên tại địa phương.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu HĐND phường

1. Tổ đại biểu HĐND phường giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND phường hoặc về các vấn đề do HĐND phường hoặc Thường trực HĐND phường phân công.

2. Tổ đại biểu HĐND phường có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến cho kỳ họp HĐND phường; tổ chức cho đại biểu HĐND tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND và đề đại biểu HĐND báo cáo với cử tri về kết quả sau kỳ họp HĐND.

3. Cuộc họp Tổ đại biểu HĐND phường có thể mời Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường dự và tham gia ý kiến về các vấn đề có liên quan. Nội dung cuộc họp phải được ghi thành biên bản và báo cáo kết quả với Thường trực HĐND phường.

4. Họp để kiểm điểm và xét thi đua hằng năm đối với tập thể và theo nhiệm kỳ đối với cá nhân các đại biểu HĐND phường.

5. Tổ đại biểu HĐND phường họp ít nhất 06 tháng một lần và họp bất thường khi cần thiết. Thành viên Tổ đại biểu HĐND phường có trách nhiệm tham

dự đầy đủ các cuộc họp của Tổ đại biểu, các cuộc khảo sát, giám sát của Tổ, tham dự các cuộc họp, giám sát với Thường trực, các Ban HĐND tiếp công dân tại địa bàn ứng cử theo phân công của Tổ trưởng, khi vắng mặt phải xin phép Tổ trưởng và phải được sự đồng ý. Cuộc họp Tổ đại biểu phải được ghi thành biên bản và gửi đến Thường trực HĐND phường.

6. Căn cứ chương trình hoạt động giám sát của HĐND phường, Tổ đại biểu sẽ tổ chức ít nhất một cuộc khảo sát hoặc giám sát mỗi năm; trường hợp địa bàn có nhiều vấn đề phát sinh thì số lượng các cuộc giám sát có thể tăng thêm do Tổ trưởng quyết định sau khi thống nhất với các thành viên trong tổ.

Điều 8. Trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu HĐND phường

1. Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND phường có trách nhiệm điều hành công việc của Tổ đại biểu HĐND phường; chủ trì phiên họp của Tổ đại biểu HĐND phường; giữ mối liên hệ thường xuyên với Thường trực HĐND phường, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, Thường trực HĐND, UBND phường và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đại biểu HĐND phường ứng cử, công tác để tổ chức và bảo đảm các hoạt động của Tổ đại biểu HĐND phường; phân công đại biểu đại diện Tổ đại biểu HĐND phường tham gia đoàn giám sát của Thường trực HĐND phường, các Ban của HĐND phường khi được mời; báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri và kết quả công tác với Thường trực HĐND phường.

Tổ trưởng tổ đại biểu HĐND phường căn cứ kế hoạch tiếp xúc cử tri của Thường trực HĐND phường để phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và Ban Công tác Mặt trận khu phố nơi đại biểu ứng cử để bố trí thời gian, địa điểm tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp; thông báo cho đại biểu chậm nhất là 03 ngày trước ngày tiếp xúc cử tri; tổng hợp báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri về Thường trực HĐND phường.

Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND phường báo cáo kết quả hoạt động, giám sát 06 tháng, năm của Tổ đại biểu gửi về Thường trực HĐND phường chậm nhất ngày 20/6 (báo cáo 6 tháng) và ngày 20/11 (báo cáo năm).

2. Tổ phó Tổ đại biểu HĐND phường giúp việc cho Tổ trưởng, thực hiện những công việc được phân công và được ủy quyền khi Tổ trưởng tổ đại biểu HĐND phường vắng mặt. Tổng hợp xây dựng dự thảo các văn bản của tổ và ghi biên bản các cuộc họp tổ.

CHƯƠNG IV THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 9. Cơ cấu tổ chức của Thường trực HĐND phường

1. Thường trực Hội đồng nhân dân phường là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân giao và quy định khác của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân phường. Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân phường không thể đồng thời là thành viên của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Điều 10. Nguyên tắc hoạt động của Thường trực HĐND phường

1. Thường trực HĐND phường hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận tập thể và quyết định theo đa số, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND phường. Thường trực HĐND phường ban hành văn bản cá biệt để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Các thành viên Thường trực HĐND phường chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND phường trước HĐND phường; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực HĐND phường về nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực HĐND phường phân công.

3. Thường trực HĐND phường họp mỗi tháng ít nhất một lần để thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định.

4. Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND và các Ủy viên của Thường trực HĐND phường hoạt động theo Quy chế làm việc của Thường trực HĐND phường.

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực HĐND phường

1. Thảo luận và quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân phường giao.

2. Triệu tập các kỳ họp của Hội đồng nhân dân phường; phối hợp với Ủy ban nhân dân trong việc chuẩn bị kỳ họp của Hội đồng nhân dân phường.

3. Đôn đốc, giám sát Ủy ban nhân dân phường và các cơ quan khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường.

4. Giám sát việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.

5. Chỉ đạo, điều hành, phối hợp hoạt động của các Ban của Hội đồng nhân dân phường; xem xét kết quả giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân phường khi xét thấy cần thiết và báo cáo Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp gần nhất; giữ mối liên hệ với đại biểu Hội đồng nhân dân; tổng hợp chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân phường; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

6. Tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân phường tiếp công dân theo quy định của pháp luật; đôn đốc, giám sát và xem xét tình hình giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; tổng hợp ý kiến, đề xuất, kiến nghị của Nhân dân để báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân phường.

7. Quyết định số lượng thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình. Phê chuẩn danh sách và việc cho thôi làm Phó Trưởng ban, Ủy viên của Ban của

Hội đồng nhân dân cấp mình trong số đại biểu Hội đồng nhân dân theo đề nghị của Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân phường.

8. Trong thời gian Hội đồng nhân dân phường không họp, phê chuẩn cho thôi giữ chức vụ Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân cùng cấp do chuyển công tác khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

9. Thành lập Tổ đại biểu, xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân của Tổ đại biểu, phân công Tổ trưởng và Tổ phó của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường; quyết định việc chuyển sinh hoạt tại Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân của đại biểu Hội đồng nhân dân phường.

10. Quyết định việc đưa ra Hội đồng nhân dân hoặc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân phường.

11. Báo cáo về hoạt động của Hội đồng nhân dân phường đến Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh.

12. Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường; mỗi năm 02 lần thông báo đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường về hoạt động của Hội đồng nhân dân phường.

13. Ban hành nghị quyết và các văn bản hành chính khác về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.

14. Trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, Thường trực Hội đồng nhân dân phường được quyết định các nội dung sau đây và báo cáo Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp gần nhất:

a) Biện pháp giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn;

b) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐND phường, Phó Chủ tịch HĐND phường, các thành viên khác của Thường trực HĐND phường

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chủ tọa các phiên họp của Hội đồng nhân dân, bảo đảm thi hành các quy định về hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân, các quy định về kỳ họp Hội đồng nhân dân phường;

b) Lãnh đạo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân phường; chỉ đạo việc chuẩn bị dự kiến chương trình, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân phường;

c) Thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân phường giữ mối liên hệ với Ủy ban nhân dân, các cơ quan nhà nước, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc

Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp, các tổ chức xã hội khác và Nhân dân;

d) Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân phường.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân và chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường; chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

3. Các thành viên khác của Thường trực Hội đồng nhân dân phường chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân phường về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân phân công; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

4. Trong nhiệm kỳ, nếu khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường thì Thường trực Hội đồng nhân dân phường phân công 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phường dân cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường mới.

Trường hợp khuyết cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường thì Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chỉ định người điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân trong số đại biểu Hội đồng nhân dân phường cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường mới.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường bị xử lý kỷ luật và thuộc trường hợp phải đề nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm thì Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc giao Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân cho đến khi bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường mới. Trường hợp cả Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường cũng bị xử lý kỷ luật thì thực hiện chỉ định người điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân trong số đại biểu Hội đồng nhân dân phường.

Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường, người được chỉ định điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phường được thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường ký chứng thực Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường. Trong trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường thì Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, người được chỉ định điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân quy định tại khoản 4 Điều này ký chứng thực Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường.

Điều 13. Phiên họp Thường trực HĐND phường

1. Phiên họp Thường trực HĐND phường là hình thức hoạt động chủ yếu của Thường trực HĐND phường. Tại phiên họp, Thường trực HĐND phường thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực HĐND phường họp thường kỳ mỗi tháng một lần; khi xét thấy cần thiết, có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch HĐND phường. Phiên họp Thường trực HĐND phường phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực HĐND phường tham dự.

3. Chủ tịch HĐND phường quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ tọa phiên họp Thường trực HĐND phường; nếu Chủ tịch HĐND phường vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐND phường được Chủ tịch HĐND phường ủy quyền chủ tọa phiên họp.

4. Thành viên Thường trực HĐND phường có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, nếu vắng không thể tham gia thì phải báo cáo Chủ tịch HĐND phường xem xét, quyết định.

5. Đại diện UBND phường, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường được mời tham dự phiên họp Thường trực HĐND phường; đại diện Công an, Ban chỉ huy Quân sự phường, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội ở phường, các cơ quan, tổ chức hữu quan có thể được mời tham dự phiên họp Thường trực HĐND phường khi bàn về vấn đề có liên quan.

6. UBND phường, Công an, Ban chỉ huy Quân sự phường, các Ban của HĐND phường, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường và các cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm chủ động chuẩn bị các dự án, đề án, báo cáo thuộc nội dung chương trình phiên họp theo sự phân công của Thường trực HĐND phường hoặc theo nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

CHƯƠNG V CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 14. Cơ cấu tổ chức

1. Ban của Hội đồng nhân dân phường là cơ quan của Hội đồng nhân dân phường, có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình Hội đồng nhân dân; giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ

trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân phường. Số lượng, cơ cấu các Ban của Hội đồng nhân dân phường được quy định như sau:

Hội đồng nhân dân phường thành lập Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội.

2. Ban của Hội đồng nhân dân gồm có Trưởng ban, Phó Trưởng Ban và các Ủy viên;

Điều 15. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Ban của HĐND phường hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận tập thể và quyết định theo đa số; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Thường trực HĐND phường và HĐND phường.

2. Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của Ban chịu trách nhiệm tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trước HĐND phường; chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban của HĐND phường về nhiệm vụ, quyền hạn được Ban phân công.

Điều 16. Chế độ làm việc

1. Căn cứ Quy chế này, các Ban của HĐND phường xây dựng Quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Ban phù hợp với quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Hằng năm, căn cứ chương trình hoạt động, chương trình giám sát của HĐND phường, Thường trực HĐND phường, các Ban của HĐND phường xây dựng chương trình công tác của mình.

3. Các Ban của HĐND phường họp ít nhất mỗi quý một lần để thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật. Các thành viên của Ban có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo với Trưởng ban.

4. Báo cáo kết quả công tác với HĐND phường vào kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm; báo cáo kết quả công tác với Thường trực HĐND phường giữa hai kỳ họp.

Điều 17. Các lĩnh vực phụ trách các Ban của HĐND phường

Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội HĐND phường phụ trách các lĩnh vực theo nhiệm vụ quyền hạn của HĐND phường quy định tại Điều 24 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban HĐND phường

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp HĐND phường thuộc lĩnh vực phụ trách.

2. Thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết liên quan đến lĩnh vực phụ trách của Ban do HĐND phường hoặc Thường trực HĐND phường phân công.

3. Giúp HĐND phường giám sát hoạt động của Công an, Ban Chỉ huy Quân sự phường; giám sát hoạt động của UBND và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường trên các lĩnh vực phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực phụ trách.

4. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực phụ trách do HĐND phường hoặc Thường trực HĐND phường phân công.

5. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát với HĐND phường, Thường trực HĐND phường.

6. Ban của HĐND phường chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND phường; trong thời gian HĐND không họp thì báo cáo công tác trước Thường trực HĐND phường.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban, Phó Trưởng ban và Ủy viên các Ban của HĐND phường

1. Trưởng Ban HĐND có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Tham gia các hoạt động của Thường trực HĐND phường; thực hiện các nhiệm vụ do Thường trực HĐND phường phân công.

b) Chỉ đạo, điều hành công việc chung của Ban, thay mặt Ban ký các văn bản do Ban phát hành.

c) Chỉ đạo công tác chuyên môn của Ban, chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và chủ trì cuộc họp của Ban.

d) Giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban và thay mặt Ban giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND phường, các Ban khác của HĐND phường, các cơ quan, tổ chức ở địa phương trên địa bàn phường.

đ) Thay mặt Ban tham dự các cuộc họp bàn về lĩnh vực hoạt động của Ban do UBND phường, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn phường mời.

e) Tổ chức hoạt động giám sát, khảo sát của Ban theo chương trình, kế hoạch đã được tập thể Ban thông qua hoặc theo sự phân công của HĐND phường, Thường trực HĐND phường.

g) Trình bày các báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả hoạt động của Ban tại kỳ họp HĐND phường.

h) Đề nghị Thường trực HĐND phường phê chuẩn danh sách Ủy viên hoặc cho thôi làm Ủy viên của Ban do mình phụ trách.

i) Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên Ban của HĐND phường.

2. Phó Trưởng ban HĐND phường giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ của Ban theo sự phân công của Trưởng ban; điều hành các hoạt động của Ban khi Trưởng ban vắng mặt.

3. Các Ủy viên của Ban HĐND phường có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban; thực hiện các nhiệm vụ được Ban phân công, Ủy viên của Ban hoạt động kiêm nhiệm phải dành ít nhất 1/3 thời gian trong năm để thực hiện nhiệm vụ của Ban và nhiệm vụ đại biểu HĐND phường.

Điều 20. Thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết

1. Để chuẩn bị cho việc thẩm tra, Ban của HĐND phường cử thành viên tham gia nghiên cứu báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết; yêu cầu cơ quan soạn thảo và các cơ quan hữu quan cung cấp tài liệu và trình bày về vấn đề mà Ban thẩm tra; khảo sát tình hình thực tế tại địa phương về những nội dung liên quan đến báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết.

2. Việc thẩm tra báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết được thực hiện theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình bày;
- b) Đại diện cơ quan, tổ chức liên quan phát biểu ý kiến;
- c) Các thành viên của Ban thảo luận;
- d) Đại diện cơ quan, tổ chức trình báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết phát biểu ý kiến nếu thấy cần thiết;
- đ) Chủ tọa cuộc họp kết luận.

3. Báo cáo thẩm tra cần đánh giá về sự phù hợp của dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nêu rõ quan điểm và đề xuất phương án xử lý đối với những nội dung còn có ý kiến khác nhau; Nội dung báo cáo thẩm tra phải thể hiện rõ quan điểm của cơ quan thẩm tra về những vấn đề thuộc nội dung thẩm tra và đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, phương án xử lý của cơ quan chủ trì thẩm tra đối với những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

Điều 21. Quan hệ phối hợp công tác của các Ban của HĐND

1. Các Ban của HĐND phường phối hợp công tác và trao đổi kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan.

2. Ban của HĐND phường cử thành viên tham gia hoạt động của Thường trực HĐND phường theo yêu cầu của Thường trực HĐND phường.

3. UBND phường, cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường, Công an phường, Ban Chỉ huy Quân sự phường, cơ quan, tổ chức liên quan ở địa phương có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề mà Ban của HĐND phường đề nghị hoặc yêu cầu.

CHƯƠNG VI
HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG,
THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG,
CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 22. Nguyên tắc giám sát

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.
2. Bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, hiệu quả.
3. Không làm cản trở đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Điều 23. Thẩm quyền giám sát

1. HĐND phường giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của HĐND phường; giám sát hoạt động của Thường trực HĐND phường, UBND phường, Công an phường, Ban Chỉ huy Quân sự phường và Ban của HĐND phường; giám sát quyết định của UBND phường và nghị quyết của HĐND cấp phường.

2. Thường trực HĐND phường giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của HĐND phường; giám sát hoạt động của UBND phường, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường, Công an phường, Ban Chỉ huy Quân sự phường; giám sát quyết định của UBND phường, nghị quyết của HĐND phường; giúp HĐND phường thực hiện quyền giám sát theo sự phân công của HĐND phường.

3. Ban của HĐND phường giúp HĐND phường giám sát hoạt động của Công an phường, Ban Chỉ huy Quân sự phường; giám sát hoạt động của UBND phường, các cơ quan thuộc UBND phường thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Ban phụ trách và theo sự phân công của HĐND phường, Thường trực HĐND phường.

Điều 24. Chương trình giám sát hằng năm

1. Chương trình giám sát hằng năm của HĐND phường được HĐND phường xem xét, quyết định vào kỳ họp giữa năm của năm trước và được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 của năm trước, các Ban của HĐND phường, đại biểu HĐND phường, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và cử tri ở địa phương gửi đề nghị, kiến nghị giám sát của HĐND phường đến Thường trực HĐND phường. Đề nghị, kiến nghị giám sát phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát

b) Chậm nhất **30 (ba mươi)** ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm, bộ phận giúp việc HĐND phường tổng hợp đề nghị, kiến nghị giám sát và báo cáo Thường trực HĐND phường.

c) **Chậm nhất 10 (mười)** ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm, Thường trực HĐND phường thảo luận và lập Tờ trình dự kiến chương trình giám sát của HĐND phường để trình HĐND phường xem xét, quyết định.

d) HĐND phường quyết định chương trình giám sát hằng năm theo trình tự sau đây:

- Thường trực HĐND phường trình bày tờ trình về dự kiến chương trình giám sát;

- HĐND phường thảo luận;

- HĐND phường biểu quyết thông qua nghị quyết về chương trình giám sát của HĐND phường.

2. Thường trực HĐND phường quyết định chương trình giám sát hằng năm của mình căn cứ vào chương trình giám sát của HĐND và ý kiến của các thành viên Thường trực HĐND, đề nghị của các Ban của HĐND, đại biểu HĐND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và ý kiến, kiến nghị của cử tri ở địa phương.

a) **Chậm nhất là 05 ngày** trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm của HĐND phường, các Ban của HĐND phường, đại biểu HĐND phường, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường gửi đến Thường trực HĐND phường đề nghị giám sát đưa vào chương trình giám sát của Thường trực HĐND phường. Đề nghị giám sát phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

Bộ phận giúp việc HĐND phường tập hợp, tổng hợp đề nghị giám sát trình Thường trực HĐND phường.

b) Chương trình giám sát hằng năm được Thường trực HĐND phường xem xét, quyết định **chậm nhất là 15 ngày** kể từ ngày bế mạc kỳ họp cuối năm trước của HĐND.

c) Thường trực HĐND phường xem xét, quyết định chương trình giám sát hằng năm theo trình tự sau đây:

- Bộ phận giúp việc HĐND phường trình dự kiến chương trình giám sát của Thường trực HĐND phường;

- Thường trực HĐND phường thảo luận;

- Thường trực HĐND phường thông qua nghị quyết về chương trình giám sát.

d) Căn cứ vào chương trình giám sát đã được thông qua, Thường trực HĐND phường phân công thành viên Thường trực HĐND phường thực hiện các nội dung trong chương trình; giao các Ban của HĐND phường thực hiện một số nội dung thuộc chương trình và báo cáo kết quả với Thường trực HĐND phường khi cần thiết.

đ) Thường trực HĐND phường báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của mình với HĐND phường vào kỳ họp giữa năm của năm sau.

3. Chương trình giám sát hằng năm của các Ban HĐND phường:

a) Căn cứ vào chương trình giám sát hằng năm của HĐND phường, Thường trực HĐND phường và ý kiến của các thành viên, Ban của HĐND phường lập, xem xét, quyết định chương trình giám sát năm tiếp theo trước ngày 31/12 hằng năm.

b) Chương trình giám sát hằng năm của các Ban HĐND phường phải được báo cáo Thường trực HĐND phường trước khi ban hành.

c) Trưởng Ban có trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình giám sát.

4. Thường trực HĐND phường có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của HĐND phường, của Thường trực HĐND phường với HĐND phường vào kỳ họp thường lệ giữa năm của năm sau.

Điều 25. Hoạt động giám sát của HĐND phường

1. Xem xét báo cáo công tác của Thường trực HĐND phường, UBND phường, Công an phường, Ban Chỉ huy Quân sự phường và các báo cáo khác theo quy định.

2. Xem xét việc trả lời chất vấn của những người bị chất vấn quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 5 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

3. Xem xét quyết định của UBND phường, nghị quyết của HĐND phường có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND tỉnh.

4. Giám sát chuyên đề.

5. Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND phường bầu.

Điều 26. Hoạt động giám sát của Thường trực HĐND phường

1. Giám sát quyết định của UBND phường, nghị quyết của HĐND phường.

2. Xem xét việc trả lời chất vấn của những người bị chất vấn quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 5 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND phường.

3. Giám sát chuyên đề.

4. Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND phường.

5. Giám sát việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của công dân.

6. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

Điều 27. Hoạt động giám sát của Ban HĐND phường

1. Thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết do HĐND phường, Thường trực HĐND phường phân công.

2. Giám sát quyết định của UBND phường, nghị quyết của HĐND phường.

3. Giám sát chuyên đề.

4. Giám sát việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

Điều 28. Xem xét báo cáo

1. Tại kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm HĐND phường xem xét, thảo luận các báo cáo sau:

a) Báo cáo công tác 06 tháng, hằng năm của Thường trực HĐND phường, các Ban HĐND phường, UBND phường, Công an, Ban Chỉ huy Quân sự phường;

b) Báo cáo của UBND phường về: Kinh tế - xã hội; về thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước của địa phương; về công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; về việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân và ý kiến, kiến nghị của cử tri.

c) Báo cáo về việc thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;

d) Báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực HĐND phường.

2. Tại kỳ họp tổng kết cuối nhiệm kỳ, HĐND phường xem xét, thảo luận các báo cáo công tác nhiệm kỳ của Thường trực HĐND phường, các Ban của HĐND phường, UBND phường, Công an, Ban Chỉ huy Quân sự phường.

3. Theo sự phân công của Thường trực HĐND phường, các Ban HĐND phường thẩm tra các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ báo cáo của Thường trực HĐND phường, các Ban của HĐND phường.

4. HĐND phường xem xét, thảo luận báo cáo theo trình tự sau đây:

a) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo trình bày báo cáo;

b) Trưởng Ban của HĐND phường trình bày báo cáo thẩm tra;

c) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo có thể trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan mà HĐND phường quan tâm;

d) HĐND phường thảo luận;

đ) HĐND phường có thể ra nghị quyết về công tác của cơ quan có báo cáo.

5. Nghị quyết về công tác của cơ quan có báo cáo phải có những nội dung cơ bản sau đây:

a) Đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập; trách nhiệm của cơ quan có báo cáo và người đứng đầu;

b) Thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập;

c) Trách nhiệm thi hành của cơ quan, cá nhân;

d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết về giám sát.

Điều 29. Chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn

1. Trình tự chất vấn tại kỳ họp HĐND phường được thực hiện theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. HĐND phường quy định cụ thể về thời gian nêu chất vấn, thời gian trả lời chất vấn, việc điều hành của chủ tọa và quyền tranh luận của đại biểu trong Nội quy kỳ họp HĐND phường.

2. Thường trực HĐND phường báo cáo HĐND phường xem xét, quyết định việc ban hành nghị quyết về chất vấn tại kỳ họp HĐND phường (nếu cần thiết).

Điều 30. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật

1. HĐND phường:

a) HĐND phường xem xét quyết định của UBND phường, nghị quyết của HĐND phường có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của mình theo đề nghị của Thường trực HĐND phường.

b) HĐND phường xem xét văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này theo trình tự sau đây:

- Đại diện Thường trực HĐND phường trình bày tờ trình;
- HĐND phường thảo luận.
- Người đứng đầu cơ quan đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan;
- HĐND phường ra nghị quyết về việc xem xét văn bản.

c) Nghị quyết của HĐND phường phải xác định văn bản quy phạm pháp luật trái hoặc không trái với Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND phường; trường hợp văn bản quy phạm pháp luật trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND phường thì quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó.

2. Thường trực HĐND phường:

a) Thường trực HĐND phường có trách nhiệm thường xuyên theo dõi việc ban hành quyết định của UBND phường và nghị quyết của HĐND phường.

b) Thường trực HĐND phường xem xét quyết định của UBND phường, nghị quyết của HĐND phường có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND phường thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND phường;
- Theo đề nghị của Ban của HĐND phường, đại biểu HĐND phường;
- Theo đề nghị của UBND phường, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường.

c) Các Ban HĐND phường có trách nhiệm thẩm tra đề nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND phường thuộc lĩnh vực phụ trách theo sự phân công của Thường trực HĐND phường. Riêng đề nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp giao cho Ban Pháp chế chủ trì thẩm tra.

d) Thường trực HĐND phường xem xét văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này theo trình tự sau đây:

- Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có đề nghị trình bày;
- Trưởng ban của HĐND phường trình bày báo cáo thẩm tra;
- Đại diện cơ quan, tổ chức được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;
- Người đứng đầu cơ quan đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật báo cáo, giải trình;
- Thường trực HĐND phường thảo luận;
- Chủ tọa cuộc họp kết luận.

đ) Khi xét thấy văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND phường thì Thường trực HĐND phường có quyền yêu cầu cơ quan ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản; trường hợp cơ quan ban hành văn bản không thực hiện yêu cầu thì Thường trực HĐND phường trình HĐND phường xem xét, quyết định.

3. Các Ban HĐND phường:

a) Ban của HĐND phường trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thường xuyên theo dõi việc ban hành quyết định của UBND phường và nghị quyết của HĐND phường.

b) Trường hợp phát hiện văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND phường thì các Ban HĐND phường có quyền yêu cầu cơ quan đã ban hành văn bản đó xem xét, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó.

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan đã ban hành văn bản phải thông báo cho Ban của HĐND phường biết việc giải quyết; quá thời hạn này mà không trả lời hoặc giải quyết không đáp ứng với yêu cầu thì Ban của HĐND phường có quyền kiến nghị với Thường trực HĐND phường xem xét, quyết định.

Điều 31. Giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND phường

1. Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực HĐND phường yêu cầu thành viên của UBND phường, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia giải trình vấn đề mà Thường trực HĐND phường quan tâm.

2. Phiên giải trình được tổ chức công khai và có thể được truyền hình truyền thanh trực tiếp theo quyết định của Thường trực HĐND phường.

3. Việc tổ chức giải trình, nội dung, kế hoạch tổ chức giải trình, trình tự tiến hành phiên giải trình được thực hiện theo Quy chế hoạt động của Thường trực HĐND phường.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện kết luận của Thường trực HĐND phường về vấn đề đã giải trình; trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Thường trực HĐND phường báo cáo HĐND phường xem xét, quyết định.

Điều 32. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân

1. Thường trực HĐND phường giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tổ chức Đoàn giám sát hoặc giao cho các Ban của HĐND phường giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo tại địa phương.

2. Ban của HĐND phường giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tổ chức Đoàn giám sát để giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị tại địa phương.

3. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, Thường trực HĐND phường, Ban của HĐND phường yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó thì yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Thường trực HĐND phường, Ban của HĐND phường và báo cáo kết quả thực hiện với Thường trực HĐND phường trong thời hạn **07 (bảy)** ngày kể từ ngày ra quyết định giải quyết; báo cáo Ban của HĐND phường trong thời hạn **10 (mười)** ngày kể từ ngày ra quyết định giải quyết.

Điều 33. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri

1. Thường trực HĐND phường có trách nhiệm giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri và chuẩn bị báo cáo giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trình HĐND phường.

2. UBND phường báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri.

Báo cáo của UBND phường về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri phải được Ban của HĐND phường thẩm tra theo sự phân công của Thường trực HĐND phường.

3. Thường trực HĐND phường xem xét báo cáo việc giải quyết kiến nghị của cử tri theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện UBND hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thường trình bày báo cáo;
- b) Cơ quan thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra;
- c) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;
- d) Thường trực HĐND phường thảo luận;
- đ) Chủ tọa phiên họp kết luận.

4. Thường trực HĐND phường chỉ đạo xây dựng báo cáo giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và dự thảo nghị quyết về việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình HĐND phường.

Điều 34. Giám sát chuyên đề

1. HĐND phường, Thường trực HĐND phường thực hiện giám sát chuyên đề theo chương trình giám sát hằng năm.

2. Ban của HĐND phường thực hiện giám sát chuyên đề theo chương trình, kế hoạch giám sát hằng năm hoặc qua giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, qua phương tiện thông tin đại chúng, ý kiến, kiến nghị của cử tri phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc được HĐND phường, Thường trực HĐND phường giao.

Điều 35. Quy trình giám sát chuyên đề

1. Thành lập Đoàn giám sát:

a) HĐND phường ra nghị quyết thành lập Đoàn giám sát của HĐND phường do Chủ tịch HĐND phường hoặc Phó Chủ tịch HĐND phường làm Trưởng đoàn theo đề nghị của Thường trực HĐND phường.

b) Thường trực HĐND phường ra quyết định thành lập Đoàn giám sát của Thường trực HĐND phường do Phó Chủ tịch HĐND phường hoặc Ủy viên của Thường trực HĐND phường làm Trưởng đoàn.

c) Căn cứ vào chương trình giám sát của mình hoặc qua giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, qua phương tiện thông tin đại chúng, ý kiến, kiến nghị của cử tri phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc được HĐND, Thường trực HĐND giao thì Ban của HĐND phường tổ chức Đoàn giám sát của Ban để thực hiện giám sát chuyên đề. Đoàn giám sát do Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban của HĐND làm Trưởng đoàn

d) Nghị quyết hoặc quyết định thành lập Đoàn giám sát chuyên đề phải xác định rõ đối tượng, phạm vi, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần Đoàn giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

đ) Thành viên đoàn giám sát gồm: Ủy viên của Thường trực HĐND phường, đại diện Ban của HĐND phường và một số đại biểu HĐND phường. Đại diện Ủy

ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, tổ chức thành viên của Mặt trận có thể được mời tham gia Đoàn giám sát.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn giám sát

a) Xây dựng đề cương báo cáo để cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo;

b) Thông báo nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là **15 (mười lăm)** ngày kể từ ngày ban hành, nghị quyết, quyết định thành lập Đoàn giám sát; thông báo chương trình và thành phần Đoàn giám sát chậm nhất là **10 (mười)** ngày trước ngày Đoàn tiến hành làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát;

c) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;

d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình vấn đề mà Đoàn giám sát quan tâm;

đ) Xem xét, xác minh, mời chuyên gia tư vấn về vấn đề mà Đoàn giám sát xét thấy cần thiết;

e) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Đoàn giám sát có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;

g) Trách nhiệm báo cáo kết quả giám sát

- Đối với giám sát chuyên đề của HĐND phường.

+ Khi kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát để HĐND phường xem xét tại kỳ họp gần nhất.

+ Trước khi báo cáo HĐND phường, Đoàn giám sát báo cáo Thường trực HĐND phường về kết quả giám sát.

- Đối với giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND phường

+ Chậm nhất là **15 (mười lăm)** ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát để Thường trực HĐND phường xem xét, quyết định.

+ Thường trực HĐND phường có trách nhiệm báo cáo kết quả giám sát với HĐND phường vào kỳ họp thường lệ cuối năm.

- Đối với giám sát chuyên đề của Ban HĐND phường.

Chậm nhất là **10 (mười)** ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát phải báo cáo kết quả giám sát với Ban của HĐND phường để thảo luận, thống nhất báo cáo Thường trực HĐND phường.

3. Xem xét kết quả giám sát của Đoàn giám sát

a) HĐND phường xem xét báo cáo của Đoàn giám sát theo trình tự sau:

- Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát;
- Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo, giải trình;
- HĐND phường thảo luận.

Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung về những vấn đề liên quan;

- HĐND phường ra nghị quyết về vấn đề được giám sát. Nội dung nghị quyết giám sát chuyên đề có những nội dung cụ thể như sau:

+ Đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân hạn chế, bất cập liên quan đến chuyên đề giám sát; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và người đứng đầu cơ quan, tổ chức có liên quan;

+ Thời gian khắc phục hạn chế, bất cập;

+ Trách nhiệm thi hành của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

+ Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết.

- Nghị quyết giám sát chuyên đề được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Thường trực HĐND phường.

- Trong thời hạn **7 (bảy)** ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát, Thường trực HĐND phường có trách nhiệm xem xét báo cáo theo trình tự sau đây:

+ Trưởng Đoàn giám sát trình bày báo cáo;

+ Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;

+ Thường trực HĐND phường thảo luận;

Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan;

+ Chủ tọa cuộc họp kết luận.

Kết luận của Thường trực HĐND phường được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thường trực HĐND phường có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

- Trong trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND phường đề nghị HĐND phường xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát tại kỳ họp gần nhất.

c) Ban của HĐND phường.

- Căn cứ vào tính chất, nội dung của vấn đề được giám sát, Ban tổ chức phiên họp để xem xét, thảo luận về báo cáo của Đoàn giám sát theo trình tự sau đây:

+ Trưởng Đoàn giám sát trình bày báo cáo;

+ Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;

+ Ban của HĐND phường thảo luận;

+ Chủ tọa phiên họp kết luận; Ban của HĐND phường biểu quyết khi xét thấy cần thiết.

- Báo cáo kết quả giám sát của Ban của HĐND phường phải nêu rõ kiến nghị về các biện pháp cần thiết.

- Báo cáo kết quả giám sát của Ban của HĐND phường được gửi đến Thường trực HĐND phường, HĐND phường và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Điều 36. Trách nhiệm giám sát thực hiện các kiến nghị sau giám sát

Thường trực HĐND phường, các Ban của HĐND phường có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Trong trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND phường, Ban của HĐND phường có thể trình HĐND phường tại kỳ họp gần nhất về kết quả thực hiện các kiến nghị sau giám sát của các cơ quan chức năng để HĐND phường xem xét, quyết định.

CHƯƠNG VII HOẠT ĐỘNG TIẾP XÚC CỬ TRI VÀ TIẾP CÔNG DÂN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Mục 1. Hoạt động tiếp xúc cử tri

Điều 37. Đại biểu HĐND phường thực hiện tiếp xúc cử tri theo quy định tại khoản 3, Điều 33 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025.

Điều 38. Thường trực HĐND phường chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri; gửi kế hoạch tiếp xúc cử tri đến UBND phường, Tổ đại biểu HĐND phường và đại biểu HĐND phường, đồng thời thông báo cho Cấp ủy, Ban điều hành khu phố, Ban Công tác Mặt trận khu phố nơi tiếp xúc cử tri và cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan để thực hiện.

Điều 39. Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND phường tổng hợp và báo cáo với Thường trực HĐND phường về việc tiếp xúc cử tri của đại biểu trong Tổ, báo cáo với cử tri về việc tham gia tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND phường được bầu tại đơn vị bầu cử đó.

Điều 40. Tại Hội nghị tiếp xúc cử tri tại địa bàn ứng cử, đại biểu HĐND phường báo cáo với cử tri những vấn đề sau đây:

1. Dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp đối với hội nghị tiếp xúc cử tri trước kỳ họp; kết quả kỳ họp và kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri đối với hội nghị tiếp xúc cử tri sau kỳ họp;

2. Việc triển khai thực hiện nghị quyết của HĐND phường về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương;

3. Hoạt động của HĐND phường, hoạt động của đại biểu HĐND phường trong năm và dự kiến việc thực hiện năm sau đối với hội nghị tiếp xúc cử tri sau kỳ họp cuối năm;

Điều 41. Hội nghị tiếp xúc cử tri nơi cư trú được tổ chức như sau:

1. Đại biểu HĐND phường trực tiếp hoặc thông qua Thường trực HĐND phường liên hệ với Ban Công tác Mặt trận khu phố nơi đại biểu cư trú để tham dự hội nghị tiếp xúc cử tri.

2. Ban Công tác Mặt trận khu phố nơi đại biểu cư trú phối hợp với Ban điều hành khu phố tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri thông báo rộng rãi cho cử tri nơi đại biểu HĐND đề nghị tiếp xúc biết về nội dung, thời gian và địa điểm tiếp xúc cử tri. UBND phường và khu phố nơi đại biểu cư trú có trách nhiệm tạo điều kiện và bảo đảm trật tự, an toàn cho cuộc tiếp xúc cử tri.

Điều 42. Hội nghị tiếp xúc cử tri nơi làm việc được tổ chức như sau:

1. Đại biểu HĐND phường liên hệ với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri;

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri và thông báo cho cử tri trong cơ quan, tổ chức, đơn vị biết về nội dung, thời gian, địa điểm tiếp xúc cử tri.

Mục 2. Hoạt động tiếp công dân

Điều 43. Thường trực HĐND phường phối hợp với UBND phường, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, các phòng, ban và các tổ chức chính trị - xã hội phường phối hợp trong công tác tiếp công dân phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế trên địa bàn phường.

Các đại biểu HĐND phường và các Ban HĐND phường phải thực hiện tiếp công dân theo đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

CHƯƠNG VIII

TỔ CHỨC KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 44. Kỳ họp HĐND phường

1. Kỳ họp HĐND phường là hình thức hoạt động chủ yếu của HĐND phường.

2. Hội đồng nhân dân phường họp mỗi năm ít nhất 02 kỳ. Hội đồng nhân dân phường quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ vào kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ và vào kỳ họp cuối cùng của năm trước đó đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân.

3. Hội đồng nhân dân phường họp kỳ họp chuyên đề hoặc kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân phường yêu cầu

4. Hội đồng nhân dân phường họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thì Hội đồng nhân dân phường quyết định họp kín.

Điều 45. Kỳ họp Thường lệ của HĐND phường

1. Tại kỳ họp thường lệ, HĐND phường:

a) Ban hành nghị quyết để quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của phường; quyết định dự toán và phân bổ ngân sách, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; quyết định các chủ trương, biện pháp để triển khai thực hiện ngân sách địa phương; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương; quyết định những vấn đề khác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

b) Xem xét các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Quy chế này. Khi cần thiết, HĐND phường có thể ban hành nghị quyết về công tác của các cơ quan đó.

c) Nghe Thường trực HĐND phường báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri, báo cáo kết quả thực hiện chương trình và kế hoạch giám sát của HĐND phường, Thường trực HĐND phường; nghe UBND phường báo cáo kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri; nghe Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường thông báo công tác tham gia xây dựng chính quyền và những ý kiến, kiến nghị.

2. Việc chuẩn bị kỳ họp thường lệ được tiến hành như sau:

a) Trước khi tổ chức Hội nghị liên tịch để chuẩn bị nội dung kỳ họp, Thường trực HĐND phường dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp trên cơ sở nghị quyết của HĐND phường và đề nghị của Chủ tịch UBND phường, các Ban của HĐND phường, đại biểu HĐND phường.

b) Thường trực HĐND phường chủ trì họp với UBND phường, các Ban HĐND phường để dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp, những vấn đề khác có liên quan đến kỳ họp và giao cho các cơ quan hữu quan chuẩn bị.

c) Thường trực HĐND phường chủ trì tổ chức họp liên tịch với UBND phường, các Trưởng ban, Phó Trưởng ban của HĐND phường, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường để dự kiến nội dung kỳ họp, những vấn đề khác có liên quan đến kỳ họp và giao cho các cơ quan hữu quan chuẩn bị.

d) Thường trực HĐND phường quyết định triệu tập kỳ họp thường lệ và kỳ họp chuyên đề theo thời gian quy định.

đ) Trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND phường, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình HĐND phường tại kỳ họp phải được gửi tới Thường trực HĐND phường, các Ban của HĐND phường theo thời gian quy định.

e) Trước ngày khai mạc kỳ họp, các Ban của HĐND phường tiến hành họp thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết theo sự phân công của Thường trực HĐND phường theo thời gian quy định.

g) Trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND phường, Thường trực HĐND phường chuyển bản tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri đến UBND để nghiên cứu trả lời, giải trình những vấn đề bức xúc trước HĐND tại kỳ họp.

h) Trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND phường, Thường trực HĐND phường gửi đến đại biểu HĐND phường dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình HĐND, báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND phường và các tài liệu cần thiết khác.

i) Trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ HĐND phường và trước ngày khai mạc kỳ họp chuyên đề HĐND phường. Thường trực HĐND phường thông báo ngày họp, nơi họp và dự kiến chương trình kỳ họp trên các phương tiện thông tin, báo chí ở địa phương để nhân dân biết.

k) Trong trường hợp các báo cáo, đề án gửi đến chậm hơn thời hạn quy định hoặc văn bản gửi không phải là văn bản chính thức theo quy định mà các Ban HĐND phường không thể thực hiện nhiệm vụ thẩm tra thì UBND phường phải chịu trách nhiệm trước HĐND phường. Thường trực HĐND phường có thể quyết định không đưa vào nội dung của kỳ họp.

Điều 46. Thư ký kỳ họp HĐND phường

1. Văn phòng HĐND - UBND phường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ thư ký phục vụ kỳ họp của HĐND phường.

2. Thư ký kỳ họp có nhiệm vụ lập, theo dõi danh sách đại biểu HĐND phường có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp; ghi biên bản phiên họp, kỳ họp; tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến phát biểu của đại biểu tại cuộc họp Tổ đại biểu và phiên họp toàn thể; giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc điều hành thảo luận và biểu quyết; phối hợp với các Ban của HĐND phường, các cơ quan liên quan, Văn phòng HĐND - UBND phường giúp Thường trực HĐND phường chỉnh lý dự thảo nghị quyết và các văn bản khác để trình HĐND phường;

giúp Chủ tọa kỳ họp cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp.

Điều 47. Biên bản kỳ họp

1. Kỳ họp HĐND phường và các phiên họp tại kỳ họp HĐND phường phải ghi biên bản.

2. Biên bản kỳ họp HĐND phường gồm biên bản các phiên họp tại kỳ họp, biên bản tóm tắt kết quả kỳ họp và biên bản bầu cử các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐND phường.

3. Biên bản phải phản ánh đầy đủ ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết của HĐND phường tại phiên họp, ý kiến bằng văn bản của đại biểu HĐND phường.

4. Biên bản kỳ họp do Chủ tịch HĐND phường hoặc Chủ tọa kỳ họp ký tên.

Điều 48. Ban hành nghị quyết

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường ký chứng thực Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường. Trong trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường thì Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường, người được chỉ định điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân quy định tại khoản 4 Điều 32, Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ký chứng thực Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường.

2. Nghị quyết của HĐND phường phải được gửi đến các cơ quan, tổ chức liên quan để thực hiện. Nghị quyết của HĐND phường được đăng công báo địa phương (nếu có), đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương, niêm yết và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IX MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 49. Quan hệ công tác với Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và Đại biểu HĐND tỉnh

1. Phối hợp chặt chẽ trong tiếp xúc cử tri, phản ánh nguyện vọng của cử tri đến các cơ quan hữu quan giải quyết; tổ chức các hoạt động khảo sát, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật trên địa bàn phường.

2. Thường trực HĐND phường phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và Đại biểu HĐND tỉnh trong việc tổ chức các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 50. Quan hệ công tác với Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường

1. Giữa hai kỳ họp, Thường trực HĐND phường phối hợp UBND phường chỉ đạo triển khai, thực hiện các Nghị quyết của HĐND phường đã ban hành; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn chuẩn bị tờ trình, đề án, dự thảo nghị quyết và các hồ sơ, tài liệu để trình HĐND phường tại kỳ họp.

2. Thường trực HĐND phường đôn đốc, kiểm tra, giám sát chương trình hoạt động UBND phường trong tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐND phường.

3. Thường trực HĐND phường phân công các Ban của HĐND phường tham gia phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong việc chuẩn bị đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết phục vụ các kỳ họp HĐND phường.

4. Chủ tịch HĐND phường và Chủ tịch UBND phường có trách nhiệm chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp; thống nhất chỉ đạo Thường trực HĐND phường, các Ban của HĐND phường và UBND, các phòng chuyên môn thuộc UBND phường thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, báo cáo hoặc trình HĐND phường xem xét quyết định.

Điều 51. Quan hệ công tác với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường

1. Thường trực HĐND phường giữ mối quan hệ thường xuyên với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường trong các hoạt động tiếp xúc cử tri, giám sát, xây dựng pháp luật và theo Quy chế phối hợp công tác.

2. Thường trực HĐND phường tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường động viên Nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của HĐND phường, UBND phường.

3. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường được mời tham dự các kỳ họp của HĐND phường khi bàn về các vấn đề có liên quan.

4. Thường trực HĐND phường chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND tỉnh, phường; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

5. Thường trực HĐND phường phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức thành viên theo dõi hoạt động của đại biểu HĐND phường và giúp đại biểu HĐND phường thực hiện nhiệm vụ đại biểu.

6. Thường trực HĐND phường, các Ban của HĐND phường mời đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường tham gia hoạt động giám sát, khảo sát và một số hoạt động khác của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND phường khi cần thiết; phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những nội dung quan trọng ở địa phương.

CHƯƠNG X
CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 52. Trụ sở làm việc và cơ quan tham mưu, giúp việc cho HĐND phường

1. HĐND phường có trụ sở làm việc chung với UBND phường.
2. Cơ quan tham mưu tổng hợp và phục vụ các hoạt động của HĐND phường là Văn phòng HĐND - UBND phường.
3. HĐND phường, Thường trực HĐND phường, các Ban của HĐND phường sử dụng con dấu của HĐND phường.

Điều 53. Kinh phí hoạt động của HĐND phường do ngân sách phường đảm bảo; hằng năm Thường trực HĐND phường trình HĐND phường quyết định theo quy định hiện hành.

Điều 54. Chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động của đại biểu HĐND phường

Chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động của đại biểu HĐND phường thực hiện theo Nghị quyết số 1206/2016/NA-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu HĐND và Nghị quyết số 203/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định một số khoản chi cho hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 103/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Nghị quyết số 203/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của HĐND tỉnh quy định về một số khoản chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số khoản chi cho hoạt động HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 55. Công tác thi đua, khen thưởng của HĐND phường

Chủ tịch HĐND phường, Phó Chủ tịch HĐND phường, Trưởng ban, Phó Trưởng ban các Ban của HĐND phường, các Tổ đại biểu HĐND phường và các đại biểu HĐND phường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định.

UBND phường có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện việc khen thưởng cho các trường hợp trên theo quy định hiện hành.

CHƯƠNG XI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 56. Tổ chức thực hiện

HĐND phường, Thường trực HĐND phường, các Ban HĐND phường, các Tổ đại biểu HĐND phường, Đại biểu HĐND phường; UBND phường và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan khác trên địa bàn phường có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế do HĐND phường quyết định trên cơ sở đề nghị của Thường trực HĐND phường hoặc có ít nhất một phần ba đại biểu HĐND phường đề xuất.

Điều 57. Hiệu lực thi hành

Quy chế này đã được HĐND phường khóa VI kỳ họp thứ hai thông qua ngày 31 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký đến phiên khai mạc kỳ họp thứ nhất của HĐND phường khóa tiếp theo.

Trong quá trình thực hiện, tùy tình hình thực tế, Thường trực HĐND phường điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới đặt ra./.

HĐND PHƯỜNG TRẢNG DÀI